SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
BỆNH VIỆN PHỔI
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Số: 1316/QĐ-BVP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 23 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế thông dụng năm 2026 - 2027 tại Bệnh viện Phổi thành phố Cần Thơ

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN PHỔI THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15, Luật số 116/2025/QH15, Luật số 133/2025/QH15, Luật số 142/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ, Nghị định số 170/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ và Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 134/2026/TT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 1287/QĐ-BVP ngày 16 tháng 10 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Phổi thành phố Cần Thơ về việc thành lập Tổ chuyên gia mua sắm hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế tại Bệnh viện Phổi thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Công nghệ ngày 15 tháng 10 năm 2026;

Theo đề nghị của Tổ chuyên gia tại Tờ trình số 02/TTr-TCG ngày 21 tháng 10 năm 2026 về việc trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế thông dụng năm 2026 - 2027 tại Bệnh viện Phổi thành phố Cần Thơ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế thông dụng năm 2026 - 2027 tại Bệnh viện Phổi thành phố Cần Thơ với nội dung chi tiết theo các Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổ chuyên gia mua sắm hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế, Trưởng khoa Dược, Trưởng phòng Tài chính kế toán và Trưởng các khoa, phòng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, TCG, KD.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
BỆNH VIỆN PHỔI THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Hứa Trung Tiếp

Phụ lục I

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

DỰ TOÁN MUA SẮM: MUA SẮM HÓA CHẤT, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM, THIẾT BỊ Y TẾ THÔNG DỤNG NĂM 2026 - 2027 TẠI BỆNH VIỆN PHỔI THÀNH PHỐ CẦN THƠ

(Kèm theo Quyết định số 1316 /QĐ-BVP ngày 23 tháng 10 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Phổi thành phố Cần Thơ)

Stt	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	*Tóm tắt công việc chính của gói thầu*									
1	Bệnh viện Phổi thành phố Cần Thơ	Mua sắm hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế thông dụng năm 2026 - 2027	Cung cấp 158 mặt hàng hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế thông dụng; gói thầu chia thành 30 phần (tên phần, danh mục hàng hóa, giá ước tính từng phần chi tiết tại Phụ lục II)	1.967.681.725	Nguồn thu hoạt động sự nghiệp	Chào giá trực tuyến rút gọn; trong nước; qua mạng	-	45 ngày	Quý IV/2026	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng	Không áp dụng
Tổng giá gói thầu				**1.967.681.725**								

(Bằng chữ: Một tỷ chín trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi mốt nghìn bảy trăm hai mươi lăm đồng)

Phụ lục II

DANH MỤC HÀNG HÓA GÓI THẦU: MUA SẮM HÓA CHẤT, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM, THIẾT BỊ Y TẾ THÔNG DỤNG NĂM 2026 - 2027

DỰ TOÁN MUA SẮM: MUA SẮM HÓA CHẤT, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM, THIẾT BỊ Y TẾ THÔNG DỤNG NĂM 2026 - 2027 TẠI BỆNH VIỆN PHỔI THÀNH PHỐ CẦN THƠ

(Kèm theo Quyết định số 1316/QĐ-BVP ngày 23 tháng 10 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Phổi thành phố Cần Thơ)

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Giá ước tính của phần (đồng)
Phần 1: Bình dẫn lưu					
1	Bình dẫn lưu màng phổi	Bình dẫn lưu dịch màng phổi hệ thống kín, dùng một lần, bằng nhựa y tế trong suốt. Có nắp kín và dây nối với ống dẫn lưu; có cơ chế một chiều (van hoặc khóa nước) ngăn khí, dịch trào ngược vào khoang màng phổi; có vạch chia thể tích để theo dõi lượng dịch. Dung tích khoảng 1.000 – 2.000mL. Tiệt trùng.	cái	300	18.900.000
Phần 2: Bơm kim tiêm					
2	Bơm kim tiêm vô trùng sử dụng một lần 10mL, kim các cỡ	Bơm tiêm vô trùng dùng một lần, dung tích 10mL, kèm kim tiêm cỡ 23G – 25G. Thân bơm nhựa y tế (PP) trong suốt, không chứa DEHP; vạch chia rõ, không phai; pít-tông kín, chuyển động trơn; có cơ chế chống tái sử dụng (khía bẻ gãy pít-tông). Tiệt trùng, đóng gói riêng từng cái.	cái	120.000	248.742.000
3	Bơm kim tiêm vô trùng sử dụng một lần 1mL, kim các cỡ	Bơm tiêm vô trùng dùng một lần, dung tích 1mL, kèm kim tiêm cỡ nhỏ phù hợp tiêm trong da, tiêm dưới da. Thân bơm nhựa y tế (PP) trong suốt, không chứa DEHP; vạch chia đến 0,01mL rõ nét; dùng thử phản ứng thuốc, tiêm liều nhỏ. Tiệt trùng, đóng gói riêng từng cái.	cái	13.000	
4	Bơm kim tiêm vô trùng sử dụng một lần 20mL, kim các cỡ	Bơm tiêm vô trùng dùng một lần, dung tích 20mL, kèm kim tiêm. Thân bơm nhựa y tế (PP) trong suốt, không chứa DEHP; vạch chia rõ, không phai; pít-tông kín, chuyển động trơn; có cơ chế chống tái sử dụng (khía bẻ gãy pít-tông). Tiệt trùng, đóng gói riêng từng cái.	cái	10.000	
5	Bơm kim tiêm vô trùng sử dụng một lần 5mL, kim các cỡ	Bơm tiêm vô trùng dùng một lần, dung tích 5mL, kèm kim tiêm. Thân bơm nhựa y tế (PP) trong suốt, không chứa DEHP; vạch chia rõ, không phai; pít-tông kín, chuyển động trơn; có cơ chế chống tái sử dụng (khía bẻ gãy pít-tông). Tiệt trùng, đóng gói riêng từng cái.	cái	150.000	
6	Bơm tiêm 50mL có luer lock cho máy bơm tiêm điện	Bơm tiêm vô trùng dùng một lần, dung tích 50mL (hoặc 50/60mL), đầu khóa xoắn Luer lock, dùng cho máy bơm tiêm điện. Thân bơm nhựa y tế trong suốt, không chứa DEHP; vạch chia rõ; pít-tông kín, chuyển động đều, không rò rỉ khi bơm có áp lực. Tiệt trùng, đóng gói riêng từng cái.	cái	8.000	
7	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 50mL, loại cho ăn	Bơm tiêm vô trùng dùng một lần, dung tích 50mL (hoặc 50/60mL), đầu côn lớn (catheter tip) lắp vừa ống thông dạ dày, dùng bơm thức ăn, bơm rửa. Thân bơm nhựa y tế trong suốt, không chứa DEHP; vạch chia rõ; pít-tông chuyển động trơn. Tiệt trùng, đóng gói riêng từng cái.	cái	2.000	
8	Kim tiêm sử dụng một lần 18G	Kim tiêm vô trùng dùng một lần; thân kim thép không gỉ, mũi vát sắc; có nắp bảo vệ. Dùng pha, hút thuốc, hút dịch. Tiệt trùng, đóng gói riêng từng cái.	cái	170.000	

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Giá ước tính của phần (đồng)
Phần 3: Bông băng gạc					
9	Băng cuộn y tế 9cm x 2,5m	Băng cuộn y tế bằng vải gạc dệt từ sợi 100% cotton, đã tẩy trắng, thấm hút tốt, không xơ sợi, không lẫn tạp chất; dùng băng bó, cố định gạc và vết thương. Kích thước khoảng 9cm x 2,5m.	cuộn	2.000	144.729.400
10	Băng keo cá nhân 2cm x 6cm	Băng keo cá nhân dùng che phủ, bảo vệ vết thương nhỏ. Lớp nền (vải hoặc nhựa) thoáng khí, keo dính tốt, ít kích ứng da; gạc thấm hút ở giữa có lớp chống dính vào vết thương. Kích thước khoảng 2cm x 6cm. Đóng gói kín riêng từng miếng.	miếng	20.000	
11	Băng keo lụa cuộn 2,5cm x 5m	Băng keo lụa dạng cuộn dùng cố định gạc, ống thông, kim luồn trên da. Nền vải lụa (acetate taffeta hoặc tương tự), xé được bằng tay theo chiều ngang và dọc; keo dính tốt, ít kích ứng da, ít để lại keo khi tháo. Kích thước khoảng 2,5cm x 5m.	cuộn	5.000	
12	Bông viên y tế	Bông viên y tế làm từ bông 100% cotton đã tẩy trắng, thấm nước tốt, sạch, không lẫn tạp chất; viên tròn tương đối đồng đều, không bung xơ khi sử dụng. Đóng gói kín, tính theo kg.	kg	120	
13	Bông y tế thấm nước	Bông y tế thấm nước làm từ 100% cotton đã tẩy trắng, thấm hút nhanh, sạch, không lẫn tạp chất, không chứa chất tăng trắng quang học. Dạng cuộn hoặc tấm; đóng gói kín, tính theo kg.	kg	120	
14	Gạc mét	Gạc y tế dệt từ sợi 100% cotton, đã tẩy trắng, thấm hút tốt, không xơ vụn, không lẫn tạp chất; dạng cuộn hoặc xấp, khổ rộng khoảng 0,8 – 0,9m; tính theo mét.	mét	200	
Phần 4: Chẩn đoán hình ảnh					
15	Gel siêu âm	Gel dẫn truyền sóng siêu âm gốc nước, không màu hoặc màu nhạt, không mùi, không gây kích ứng da, không làm hỏng đầu dò, dễ lau sạch. Can 5 lít.	can	3	6.244.750
16	Giấy điện tim 3 cần 63mm x 30m, có đường kẻ	Giấy in nhiệt dạng cuộn dùng cho máy điện tim 3 cần, có in lưới ô kẻ tiêu chuẩn; kích thước 63mm x 30m; bản in rõ nét, không nhòe. Tương thích với máy điện tim 3 cần đang sử dụng tại bệnh viện.	cuộn	50	
17	Giấy điện tim 6 cần, có đường kẻ	Giấy in nhiệt dạng xếp (z-fold) dùng cho máy điện tim 6 cần, có in lưới ô kẻ tiêu chuẩn; kích thước 110mm x 140mm. Tương thích với máy điện tim 6 cần đang sử dụng tại bệnh viện. Bản in rõ nét.	xấp	160	
18	Giấy in nhiệt 57mm	Giấy in nhiệt dạng cuộn, khổ 57mm, đường kính cuộn khoảng 30 – 45mm, dùng cho máy in kèm máy xét nghiệm sinh hóa, huyết học, điện giải đang sử dụng; bản in rõ nét.	cuộn	100	
19	Giấy in nhiệt cho máy siêu âm	Giấy in nhiệt đen trắng (loại tiêu chuẩn hoặc độ bóng cao) dùng in hình ảnh siêu âm, kích thước 110mm x 20m; hình in rõ nét, độ tương phản tốt. Tương thích với máy in nhiệt kèm máy siêu âm đang sử dụng tại bệnh viện.	cuộn	5	

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Giá ước tính của phần (đồng)
Phần 5: Chủng chuẩn vi khuẩn					
20	Chủng vi khuẩn nội kiểm vi sinh Klebsiella pneumoniae subsp. Pneumoniae	Chủng vi khuẩn chuẩn Klebsiella pneumoniae subsp. pneumoniae, dạng đông khô (lọ, viên hoặc que), dùng nội kiểm chất lượng xét nghiệm nuôi cấy, định danh, kháng sinh đồ theo CLSI. Có giấy chứng nhận phân tích (CoA) ghi rõ nguồn gốc chủng.	hộp	1	11.977.200
21	Chủng vi khuẩn nội kiểm vi sinh Neisseria meningitidis serogroup B	Chủng vi khuẩn chuẩn Neisseria meningitidis serogroup B, dạng đông khô (lọ, viên hoặc que), dùng nội kiểm chất lượng xét nghiệm nuôi cấy, định danh, kháng sinh đồ theo CLSI. Có giấy chứng nhận phân tích (CoA) ghi rõ nguồn gốc chủng.	hộp	1	
22	Chủng vi khuẩn nội kiểm vi sinh Pseudomonas aeruginosa	Chủng vi khuẩn chuẩn Pseudomonas aeruginosa, dạng đông khô (lọ, viên hoặc que), dùng nội kiểm chất lượng xét nghiệm nuôi cấy, định danh, kháng sinh đồ theo CLSI. Có giấy chứng nhận phân tích (CoA) ghi rõ nguồn gốc chủng.	hộp	1	
23	Chủng vi khuẩn nội kiểm vi sinh Staphylococcus aureus subsp. Aureus	Chủng vi khuẩn chuẩn Staphylococcus aureus subsp. aureus, dạng đông khô (lọ, viên hoặc que), dùng nội kiểm chất lượng xét nghiệm nuôi cấy, định danh, kháng sinh đồ theo CLSI. Có giấy chứng nhận phân tích (CoA) ghi rõ nguồn gốc chủng.	hộp	1	
24	Chủng vi khuẩn nội kiểm vi sinh Streptococcus pneumoniae	Chủng vi khuẩn chuẩn Streptococcus pneumoniae, dạng đông khô (lọ, viên hoặc que), dùng nội kiểm chất lượng xét nghiệm nuôi cấy, định danh, kháng sinh đồ theo CLSI. Có giấy chứng nhận phân tích (CoA) ghi rõ nguồn gốc chủng.	hộp	1	
Phần 6: Dụng cụ hỗ trợ người bệnh					
25	Cây treo dịch truyền	Cây treo dịch truyền di động, thân bằng inox hoặc thép sơn tĩnh điện, điều chỉnh được chiều cao; chân đế 4 – 5 chạc có bánh xe, đứng vững; đầu treo có 2 – 4 móc treo chai/túi dịch.	cái	20	25.500.000
26	Xe đẩy bệnh nhân nằm	Xe đẩy (băng ca) vận chuyển người bệnh ở tư thế nằm. Khung inox hoặc thép sơn tĩnh điện, chịu tải tối thiểu 120kg; mặt nằm có đệm; thành chắn hai bên gập được; 4 bánh xe xoay, có phanh hãm.	cái	2	
27	Xe lăn đẩy bệnh nhân ngồi	Xe lăn đẩy tay dùng vận chuyển người bệnh ở tư thế ngồi trong bệnh viện. Khung thép sơn tĩnh điện hoặc inox, chịu tải tối thiểu 100kg; có tay vịn, gác chân, ghế ngồi có đệm; bánh sau lớn có phanh, bánh trước nhỏ xoay linh hoạt.	cái	8	
Phần 7: Dụng cụ thí nghiệm					
28	Bình định mức 1000mL	Bình định mức 1000mL bằng thủy tinh borosilicate (chịu nhiệt, chịu hóa chất), có nút đậy (thủy tinh mài hoặc nhựa); vạch định mức in hoặc khắc rõ, bền màu; dùng pha dung dịch chuẩn, thuốc thử.	cái	1	8.113.200
29	Bình tam giác thủy tinh 2000mL	Bình tam giác (bình nón) bằng thủy tinh borosilicate, dung tích 2.000mL, có vạch chia thể tích ước lượng; chịu nhiệt, chịu được hấp tiệt trùng (autoclave); dùng pha, hấp môi trường nuôi cấy.	cái	2	

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Giá ước tính của phần (đồng)
30	Buồng đếm neubauer	Buồng đếm tế bào kiểu Neubauer cải tiến (Improved Neubauer) bằng thủy tinh quang học, độ sâu buồng 0,1mm, có 2 lưới đếm khắc rõ nét; kèm lá kính đậy chuyên dụng (dày khoảng 0,4mm). Dùng đếm hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu, tế bào trong dịch.	cái	1	
31	Chai thủy tinh 500mL	Chai thủy tinh trong suốt, chịu nhiệt, dung tích 500mL, có nắp vặn kín, thành dày; chịu được hấp tiệt trùng ướt 121°C trong 30 phút; dùng đựng hóa chất, môi trường.	cái	5	
32	Cốc đong nhựa 1000mL có quai cầm	Cốc đong bằng nhựa (PP, PMP hoặc tương tự), dung tích 1000mL, có quai cầm và mỏ rót, vạch chia thể tích rõ, in hoặc khắc bền màu; chịu được hấp tiệt trùng hoặc khử khuẩn bằng hóa chất.	cái	1	
33	Đèn cồn thủy tinh	Đèn cồn bằng thủy tinh chịu nhiệt, dung tích khoảng 150mL, có bấc và nắp đậy kín khi không sử dụng; đế vững, chống đổ.	cái	2	
34	Que cấy thẳng	Que cấy vi khuẩn đầu thẳng (kim cấy) gồm cán cầm và dây cấy kim loại (niken-crom hoặc tương đương) chịu được khử khuẩn bằng hơ lửa; dây cấy tháo lắp, thay thế được.	cái	2	
35	Que cấy vòng	Que cấy vi khuẩn đầu vòng gồm cán cầm và dây cấy kim loại (niken-crom hoặc tương đương) có đầu uốn vòng tròn, chịu được khử khuẩn bằng hơ lửa; dây cấy tháo lắp, thay thế được.	cái	2	
36	Nhiệt kế đo tủ lạnh, tủ đông	Nhiệt kế (điện tử hoặc chất lỏng) dùng theo dõi nhiệt độ tủ lạnh, tủ đông bảo quản hóa chất, sinh phẩm, môi trường. Khoảng đo tối thiểu từ -30°C đến +40°C; vạch chia/độ phân giải ≤ 1°C; sai số không quá ±1°C trong khoảng 0°C đến +10°C.	cái	10	
Phần 8: Găng tay					
37	Găng tay khám bệnh	Găng tay khám bệnh bằng cao su tự nhiên (latex), có bột, không tiệt trùng, dùng một lần; đủ các cỡ S, M, L; chiều dài tối thiểu 240mm; đàn hồi tốt, không rách, thủng.	đôi	110.000	124.845.000
38	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng	Găng tay phẫu thuật bằng cao su tự nhiên (latex), tiệt trùng, không bột, đóng gói riêng từng đôi; hình dáng theo giải phẫu bàn tay; bề mặt nhám hoặc vi nhám giúp cầm nắm dụng cụ chắc chắn; chiều dài tối thiểu 280mm; các cỡ 6.5, 7.0, 7.5, 8.0.	đôi	5.000	
Phần 9: Hóa chất định nhóm máu					
39	Anti A	Sinh phẩm định nhóm máu hệ ABO chứa kháng thể đơn dòng Anti-A; phản ứng ngưng kết nhanh, rõ; dùng được kỹ thuật phiến đá và ống nghiệm.	ml	100	4.410.000
40	Anti A + B monoclonal	Sinh phẩm định nhóm máu hệ ABO chứa kháng thể đơn dòng Anti-A,B; dùng khẳng định nhóm máu O và phát hiện các dưới nhóm A, B yếu; phản ứng ngưng kết nhanh, rõ.	ml	100	
41	Anti B	Sinh phẩm định nhóm máu hệ ABO chứa kháng thể đơn dòng Anti-B; phản ứng ngưng kết nhanh, rõ; dùng được kỹ thuật phiến đá và ống nghiệm.	ml	100	
42	Anti D (IgG + IgM) monoclonal	Sinh phẩm định nhóm máu hệ Rh(D) chứa kháng thể đơn dòng Anti-D pha trộn IgM và IgG; phát hiện kháng nguyên D (D yếu phát hiện bằng kỹ thuật kháng globulin gián tiếp); phản ứng ngưng kết nhanh, rõ.	ml	100	

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Giá ước tính của phần (đồng)
Phần 10: Hóa chất khử khuẩn bề mặt					
43	Chloramin B	Hóa chất khử khuẩn Cloramin B (natri benzensulfocloramid) dạng bột hoặc viên, hàm lượng clo hoạt tính khoảng 25% trở lên; dùng pha dung dịch khử khuẩn bề mặt, dụng cụ, đồ vải, xử lý chất thải theo hướng dẫn kiểm soát nhiễm khuẩn.	kg	50	153.715.775
44	Chlorine 70	Calci hypoclorit ($Ca(OCl)_2$) dạng bột hoặc hạt, hàm lượng clo hoạt tính khoảng 70% (tối thiểu 65%); dùng khử khuẩn, xử lý nước, bề mặt, chất thải.	kg	360	
45	Cồn 70 độ	Cồn ethanol 70% (v/v), chất lỏng trong suốt, không màu, mùi đặc trưng; dùng sát khuẩn da, tay, bề mặt, dụng cụ. Đóng can/chai kín (giá đã bao gồm vỏ chứa).	lít	3.300	
46	Cồn 90 độ	Cồn ethanol 90% (v/v), chất lỏng trong suốt, không màu, mùi đặc trưng; dùng sát khuẩn bề mặt, dụng cụ, pha chế và dùng trong phòng xét nghiệm. Đóng can/chai kín (giá đã bao gồm vỏ chứa).	lít	480	
47	Dung dịch sát khuẩn bề mặt sàn, phòng phẫu thuật, thủ thuật	Dung dịch đậm đặc (pha loãng khi dùng) dùng lau khử khuẩn bề mặt sàn, tường phòng phẫu thuật, thủ thuật; phổ tác dụng trên vi khuẩn, nấm, virus; không chứa aldehyde; ít ăn mòn bề mặt; có hướng dẫn nồng độ pha và thời gian tiếp xúc.	lít	5	
48	Hydrogen peroxide (Oxy già H2O2)	Dung dịch hydrogen peroxid (oxy già) nồng độ ≥ 50%, dạng đậm đặc, đóng can kín có nắp thoát khí; dùng pha loãng để tẩy uế, khử khuẩn môi trường,… theo quy trình của bệnh viện. Đóng can/chai kín (giá đã bao gồm vỏ chứa).	lít	360	
49	Nước Javel	Dung dịch natri hypoclorit (nước Javel), nồng độ clo hoạt tính >= 10%; dùng pha loãng khử khuẩn bề mặt, dụng cụ, xử lý chất thải theo quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn. Đóng can/chai kín (giá đã bao gồm vỏ chứa).	lít	3.000	
Phần 11: Hóa chất khử khuẩn dụng cụ					
50	Dung dịch làm sạch và khử khuẩn dụng cụ y tế (nhóm amoni bậc 4)	Dung dịch đậm đặc (pha loãng khi dùng) dùng làm sạch và khử khuẩn (tiền khử khuẩn, khử khuẩn mức độ trung bình) dụng cụ y tế, kể cả dụng cụ không chịu nhiệt, trước khi tiệt khuẩn hoặc khử khuẩn mức độ cao. Hoạt chất chính nhóm amoni bậc 4 (như didecyldimethylammonium chloride) phối hợp hoạt chất khác (chlorhexidin, biguanid, enzyme…). Phổ tác dụng: vi khuẩn, nấm, virus. Không chứa aldehyde; không ăn mòn dụng cụ kim loại, nhựa, cao su.	lít	95	45.505.000
51	Dung dịch khử khuẩn chứa Glutaraldehyde	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao dùng ngâm dụng cụ y tế không chịu nhiệt (dụng cụ nội soi, dụng cụ hô hấp…), hoạt chất glutaraldehyde nồng độ ≥ 2%; dùng lại được trong thời gian nhà sản xuất công bố. Nhà thầu cung cấp que thử kiểm tra nồng độ tối thiểu hiệu quả (MEC) phù hợp với sản phẩm (giá đã bao gồm).	lít	300	
Phần 12: Hóa chất thí nghiệm					
52	Nước cất 2 lần	Nước cất 2 lần dùng cho phòng xét nghiệm (pha hóa chất, thuốc thử, tráng rửa dụng cụ); trong, không màu, không mùi, không cặn; pH khoảng 5,0 – 7,5. Đóng can/chai kín (giá đã bao gồm vỏ chứa).	lít	1.200	112.238.500

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Giá ước tính của phần (đồng)
53	Giemsa	Dung dịch Giemsa gốc (đậm đặc), pha loãng khi dùng, dùng nhuộm tiêu bản máu, ký sinh trùng sốt rét, tế bào; đóng chai tối màu.	ml	2.000	
54	Hóa chất fuchsin	Fuchsin kiềm (Basic fuchsin, CAS 632-99-5) dạng bột/tinh thể, độ tinh khiết dùng cho xét nghiệm (reagent grade hoặc tương đương); dùng pha dung dịch nhuộm Ziehl-Neelsen phát hiện vi khuẩn kháng cồn kháng toan (AFB). Đóng gói theo quy cách nhà sản xuất.	g	1.000	
55	Hóa chất Phenol	Phenol (C_6H_5OH, CAS 108-95-2) dạng tinh thể, độ tinh khiết ≥ 99%; dùng pha dung dịch nhuộm Ziehl-Neelsen và thuốc thử phòng xét nghiệm.	kg	5	
56	Hóa chất KH2PO4	Kali dihydrophosphat (KH_2PO_4) tinh khiết phân tích, hàm lượng ≥ 99%, dạng tinh thể/bột trắng; dùng pha dung dịch đệm phosphat.	kg	3	
57	Hóa chất Na2HPO4	Dinatri hydrophosphat (Na_2HPO_4), hàm lượng ≥ 99%; dùng pha dung dịch đệm phosphat.	kg	3	
58	Hóa chất N-acetyl-L-cysteine	N-acetyl-L-cystein (NALC) dạng bột, tinh khiết dùng cho phòng xét nghiệm; dùng pha dung dịch NALC-NaOH làm loãng, khử nhiễm mẫu đờm trước khi nuôi cấy vi khuẩn lao.	g	2.000	
59	Hóa chất NaOH	Natri hydroxid (NaOH) tinh khiết phân tích, dạng viên hoặc vảy, hàm lượng ≥ 96%; dùng pha dung dịch xử lý mẫu, điều chỉnh pH.	kg	10	
60	Hóa chất Natri citrat	Trinatri citrat dihydrat ($Na_3C_6H_5O_7 \cdot 2H_2O$) dạng bột/tinh thể trắng, độ tinh khiết ≥ 99%; dùng pha dung dịch xử lý mẫu, dung dịch chống đông.	kg	5	
61	Hóa chất formaldehyde (HCHO)	Dung dịch formaldehyd (formalin) nồng độ khoảng 37% (36 – 38%), loại dùng cho phòng thí nghiệm; đóng chai/can kín.	lít	3	
Phần 13: Khoanh giấy kháng sinh đồ, định danh					
62	Khoanh giấy làm kháng sinh đồ cho vi khuẩn	Khoanh giấy kháng sinh (đường kính 6mm) tẩm sẵn kháng sinh, dùng làm kháng sinh đồ bằng phương pháp khuếch tán trên thạch; đóng ống/lọ kín có chất hút ẩm. Danh mục kháng sinh và số lượng từng loại theo yêu cầu của bệnh viện.	đĩa	10.000	16.238.500
63	Khoanh giấy Novobiocin	Khoanh giấy Novobiocin 5µg; dùng phân biệt Staphylococcus saprophyticus với các tụ cầu coagulase âm khác.	đĩa	200	
64	Khoanh giấy Optochin	Khoanh giấy Optochin (ethylhydrocuprein) 5µg; dùng phân biệt Streptococcus pneumoniae với các liên cầu tan máu alpha khác.	đĩa	200	
65	Khoanh giấy Oxidase	Khoanh giấy (hoặc que thử) tẩm thuốc thử oxidase; dùng phát hiện nhanh enzyme cytochrome oxidase trong định danh vi khuẩn.	đĩa	300	
Phần 14: Lam kính, lamen					
66	Phiến kính lamen 22mm x 22mm	Lá kính (lamen) đậy tiêu bản bằng thủy tinh trong suốt, kích thước 22mm x 22mm, độ dày khoảng 0,13 – 0,17mm; bề mặt phẳng, sạch, không bọt khí, không trầy xước, không mốc.	cái	1.000	19.465.000

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Giá ước tính của phần (đồng)
67	Lam kính mờ	Lam kính (phiến kính hiển vi) bằng thủy tinh trong suốt, kích thước khoảng 25,4mm x 76,2mm (1 x 3 inch), dày khoảng 1 – 1,2mm, mài mờ một đầu để ghi nhãn, cạnh mài nhẵn an toàn.	cái	60.000	
Phần 15: Lọ, ống đựng bệnh phẩm					
68	Lọ nhựa đựng mẫu PS 55ml, có nhãn	Lọ nhựa PS trong suốt, dung tích khoảng 55mL, miệng rộng, nắp vặn kín không rò rỉ, có nhãn để ghi thông tin; dùng lấy, vận chuyển mẫu đờm và bệnh phẩm.	cái	16.500	56.295.500
69	Ống lấy máu Lithium Heparin 2mL	Ống nghiệm nhựa lấy máu có chất chống đông lithium heparin phủ đều thành ống, thể tích mẫu 2mL, nắp nhựa kín, có nhãn; dùng cho xét nghiệm sinh hóa.	cái	26.000	
70	Ống ly tâm đáy nhọn 15mL có tiệt trùng	Ống ly tâm 15mL bằng nhựa PP trong, đáy nhọn, có vạch chia thể tích, nắp vặn kín chống rò rỉ, chịu lực ly tâm tối thiểu 3.000 x g; tiệt trùng; dùng xử lý mẫu đờm nuôi cấy lao.	cái	2.000	
71	Ống nghiệm lấy máu Sodium Citrate 3.8%	Ống nghiệm nhựa lấy máu chứa natri citrat 3,8%, tỷ lệ chống đông/máu 1:9, thể tích mẫu 2mL, nắp nhựa kín, có vạch hoặc nhãn mức lấy máu; dùng cho xét nghiệm đông máu.	cái	1.000	
72	Ống nghiệm nhựa EDTA K2 2ml	Ống nghiệm nhựa lấy máu chứa EDTA K2 phun sương, thể tích mẫu 2mL, nắp nhựa kín, có nhãn; dùng cho xét nghiệm huyết học (công thức máu).	cái	25.000	
73	Ống nghiệm nhựa PS 5ml không nắp, không nhãn	Ống nghiệm nhựa PS trong suốt, dung tích 5mL, không nắp, không nhãn, thành ống nhẵn.	cái	4.000	
74	Ống nghiệm nhựa PS 5ml nắp trắng, không nhãn	Ống nghiệm nhựa PS trong suốt, dung tích 5mL, có nắp nhựa màu trắng đậy kín khít, không nhãn.	cái	2.000	
75	Ống nghiệm nhựa PS 7ml có nắp, không nhãn	Ống nghiệm nhựa PS trong suốt, dung tích 7mL, có nắp nhựa đậy kín khít, không nhãn.	cái	2.000	
76	Ống nghiệm SERUM 2ml	Ống nghiệm nhựa lấy máu có chất hoạt hóa đông máu (hạt nhựa hoặc silica) giúp máu đông nhanh để tách huyết thanh, thể tích mẫu 2mL, nắp nhựa màu đỏ, có nhãn.	cái	3.000	
Phần 16: Lọc khuẩn					
77	Filter lọc khuẩn đo chức năng hô hấp	Phin lọc khuẩn, virus dùng một lần cho máy đo chức năng hô hấp, có đầu ngậm; hiệu suất lọc vi khuẩn ≥ 99,9%; sức cản thấp, không ảnh hưởng kết quả đo. Lắp vừa, tương thích với máy đo chức năng hô hấp đang sử dụng tại bệnh viện (máy KoKo).	cái	600	13.289.550
78	Lọc vi sinh cho máy điều áp hút	Phin lọc khuẩn kỵ nước dùng một lần, lắp trên đường hút giữa bình chứa dịch và bộ điều áp hút/máy hút dịch, ngăn dịch và vi khuẩn đi vào hệ thống hút trung tâm và máy hút.	cái	30	
Phần 17: Mask thở					
79	Bộ mask thở oxy có túi người lớn	Mặt nạ thở oxy nồng độ cao có túi dự trữ, người lớn, dùng một lần; nhựa y tế mềm (PVC hoặc tương đương); dây đeo đàn hồi, kẹp mũi điều chỉnh được; dây dẫn oxy dài ≥ 2m.	cái	1.000	27.872.200

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Giá ước tính của phần (đồng)
80	Bộ mask xông khí dung người lớn	Bộ xông khí dung người lớn dùng một lần gồm mặt nạ, bầu đựng thuốc có vạch chia và dây dẫn khí dài ≥ 2m; nhựa y tế mềm (PVC hoặc tương đương).	cái	1.800	
Phần 18: Môi trường nuôi cấy và nhuộm vi khuẩn					
81	Chai cấy máu	Chai cấy máu thủ công (không dùng máy) dạng 2 pha: pha lỏng và pha thạch, môi trường dinh dưỡng (BHI hoặc tương đương) có chất chống đông SPS; dùng nuôi cấy phát hiện vi khuẩn trong máu; nắp có màng cao su cho phép tiêm máu vô trùng.	chai	50	94.870.500
82	Bộ nhuộm Gram	Bộ thuốc nhuộm Gram pha sẵn gồm 4 dung dịch: tím tinh thể (crystal violet), lugol, dung dịch tẩy màu (cồn hoặc cồn-aceton), safranin (hoặc fuchsin); mỗi dung dịch ≥ 100mL; dùng nhuộm phân biệt vi khuẩn Gram dương, Gram âm.	bộ	15	
83	Môi trường Mueller Hinton Agar	Đĩa thạch Mueller-Hinton đổ sẵn, đường kính 90mm, độ dày thạch khoảng 4mm; dùng làm kháng sinh đồ khuếch tán đĩa theo CLSI/EUCAST.	đĩa	1.500	
84	Môi trường phân lập các loài Shigella và Salmonella từ các mẫu bệnh phẩm (SS agar)	Đĩa thạch SS (Salmonella – Shigella agar) đổ sẵn, đường kính 90mm; dùng phân lập Salmonella, Shigella từ bệnh phẩm.	đĩa	200	
85	Môi trường phân lập và nuôi cấy các loài Haemophilus trong mẫu bệnh phẩm	Đĩa thạch đổ sẵn, đường kính 90mm, dùng nuôi cấy, phân lập chọn lọc Haemophilus spp. từ bệnh phẩm đường hô hấp.	đĩa	200	
86	Môi trường thạch chocolate	Đĩa thạch chocolate đổ sẵn, đường kính 90mm (thạch máu đã ly giải bằng nhiệt, có bổ sung yếu tố phát triển); dùng nuôi cấy vi khuẩn khó mọc như Haemophilus, Neisseria, Streptococcus pneumoniae.	đĩa	3.000	
87	Môi trường thạch máu	Đĩa thạch máu đổ sẵn, đường kính 90mm, chứa 5% máu cừu; dùng nuôi cấy đa số vi khuẩn lâm sàng và quan sát tính chất tan máu.	đĩa	3.000	
88	Môi trường Mac conkey agar	Đĩa thạch MacConkey đổ sẵn, đường kính 90mm; dùng phân lập và phân biệt trực khuẩn Gram âm đường ruột.	đĩa	3.000	
Phần 19: Môi trường ống và thuốc thử vi sinh					
89	Dung dịch thuốc thử Methyl red	Dung dịch thuốc thử methyl red pha sẵn; dùng đọc phản ứng MR trong định danh vi khuẩn đường ruột; đóng chai tối màu.	ml	200	29.207.500
90	Thuốc thử Alpha Naphthol (1-Naphtol)	Thuốc thử alpha-naphthol pha sẵn (khoảng 5% trong ethanol); dùng cùng dung dịch KOH cho phản ứng Voges-Proskauer (VP).	tuýp	200	
91	Kovac (cấy vi khuẩn thường)	Thuốc thử Kovac pha sẵn, lọ ≥ 2mL; dùng phát hiện sinh indol khi kết hợp môi trường SIM, MIU hoặc khoanh giấy sinh hóa.	lọ	10	

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Giá ước tính của phần (đồng)
92	Môi trường BHI	Môi trường lỏng BHI (Brain Heart Infusion) pha sẵn trong ống, dinh dưỡng cao; dùng nuôi cấy tăng sinh vi sinh vật.	tuýp	200	
93	Môi trường Bile Esculin Agar (BEA)	Môi trường thạch mật – esculin (Bile Esculin Agar) pha sẵn; dùng phân lập, phân biệt Enterococcus và Streptococcus nhóm D dựa trên khả năng thủy phân esculin.	lọ	200	
94	Môi trường MSA (Mannitol Salt Agar)	Môi trường thạch Mannitol muối (Mannitol Salt Agar) pha sẵn trong ống; dùng phân lập chọn lọc và phân biệt Staphylococcus aureus.	tuýp	200	
95	Môi trường NaCL 6.5%	Môi trường canh thang chứa 6,5% NaCl pha sẵn trong ống; dùng phân biệt Enterococcus (mọc được) với Streptococcus nhóm D không phải Enterococcus.	tuýp	200	
96	Môi trường phân biệt Enterobacteriaceae dựa vào lên men đường, sinh hơi và khử lưu huỳnh (Kligler Iron Agar)	Môi trường Kligler Iron Agar pha sẵn trong ống; dùng định danh Enterobacteriaceae dựa trên lên men đường, sinh hơi và sinh H_2S.	ống	200	
97	Môi trường Simmons Citrate Agar	Môi trường Simmons Citrate Agar pha sẵn trong ống; dùng phân biệt vi khuẩn đường ruột dựa trên khả năng sử dụng citrat.	ống	200	
98	Môi trường Thạch ống (SIM)	Môi trường thạch SIM pha sẵn trong ống; dùng phân biệt vi khuẩn đường ruột dựa trên khả năng di động, sinh H_2S và sinh indol.	ống	200	
99	Môi trường thử nghiệm phản ứng Methyl Red và Voges-Proskauer	Môi trường MR-VP pha sẵn trong ống; dùng thực hiện thử nghiệm Methyl red (MR) và Voges-Proskauer (VP) trong định danh vi khuẩn đường ruột.	ống	200	
100	Môi trường Urea Agar Base	Môi trường thạch Urea (Christensen) pha sẵn trong ống; dùng xác định khả năng sinh urease của vi khuẩn trong định danh.	ống	200	
101	Môi trường thạch ống (M.I.U)	Môi trường thạch MIU pha sẵn trong ống; dùng phân biệt vi khuẩn dựa trên khả năng di động, sinh indol và sinh urease.	ống	200	
102	Môi trường thạch ống (Nitrate)	Môi trường nitrat pha sẵn trong ống (khoảng 5mL); dùng phát hiện khả năng khử nitrat của vi khuẩn.	ống	200	
Phần 20: Ống thông, dây dẫn					
103	Dây thở oxy 2 nhánh người lớn	Dây thở oxy qua mũi 2 nhánh (cannula) người lớn, dùng một lần; nhựa y tế mềm (PVC hoặc tương đương), không gây kích ứng; dây dẫn chống gập, dài ≥ 2m.	cái	2.500	112.783.800
104	Airway các cỡ	Ống ngậm miệng hầu (Guedel) làm thông đường thở, nhựa y tế (PE/PP hoặc tương đương), không độc, cạnh bo tròn, có phần cắn cứng; đủ các cỡ từ trẻ em đến người lớn.	cái	1.000	
105	Dây hút đàm nhớt có nắp, các số	Ống hút đàm nhớt dùng một lần, nhựa PVC y tế mềm, đầu bo tròn có lỗ bên, có van/nắp điều chỉnh lực hút; đủ các số Fr6 – Fr16; tiệt trùng, đóng gói riêng từng cái.	cái	7.500	

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Giá ước tính của phần (đồng)
106	Dây nối bơm tiêm điện	Dây nối bơm tiêm điện bằng nhựa y tế chịu áp lực, lòng nhỏ (giảm thể tích mồi), chống gập; dài ≥ 140cm; hai đầu khóa Luer lock; tiệt trùng.	cái	5.000	
107	Dây truyền máu	Bộ dây truyền máu dùng một lần gồm đầu cắm túi máu, bầu nhỏ giọt có màng lọc máu (khoảng 170 – 200µm), dây dẫn dài ≥ 150cm, khóa điều chỉnh tốc độ (con lăn), đầu nối Luer lock; tiệt trùng.	cái	700	
108	Khóa 3 ngã có dây dài 25 cm	Khóa ba ngã (3-way stopcock) bằng nhựa y tế trong suốt, xoay 360°, kín không rò rỉ; có sẵn dây nối dài khoảng 25cm, đầu nối Luer lock; tiệt trùng.	cái	7.500	
109	Lọ lấy đàm kín có 2 dây	Bộ lọ lấy đàm kín, vô trùng, dùng một lần: lọ nhựa trong có vạch chia, nắp kín gắn 2 dây – 1 dây nối nguồn hút, 1 dây nối ống hút đàm; dùng lấy mẫu dịch hút đường hô hấp làm xét nghiệm.	cái	1.000	
110	Ống dẫn lưu màng phổi	Ống dẫn lưu màng phổi bằng nhựa PVC hoặc silicone y tế, có vạch cản quang, đầu ống có nhiều lỗ bên; đủ các cỡ Fr20 – Fr32; kèm đầu nối; tiệt trùng, đóng gói riêng từng cái.	cái	200	
111	Ống đặt nội khí quản có bóng, các số	Ống nội khí quản dùng một lần, nhựa PVC y tế trong suốt, có bóng chèn áp lực thấp – thể tích lớn, vạch cản quang; đủ các số từ 3.0 đến 8.5; tiệt trùng.	cái	500	
112	Ống thông dạ dày có nắp, các số	Ống thông dạ dày dùng một lần, nhựa PVC hoặc silicone y tế mềm, có vạch cản quang, đầu bo tròn, có nắp đậy ở đầu nối; các số Fr10 – Fr18; tiệt trùng.	cái	1.000	
113	Ống thông hậu môn các số	Ống thông hậu môn dùng một lần, nhựa PVC y tế mềm, đầu tù, có lỗ bên; đủ các số; tiệt trùng.	cái	200	
114	Ống thông tiểu 2 nhánh	Ống thông tiểu Foley 2 nhánh bằng latex phủ silicone hoặc 100% silicone; 1 nhánh dẫn lưu nước tiểu, 1 nhánh bơm bóng (5 – 15mL); đủ các số; tiệt trùng.	cái	700	
115	Túi nước tiểu	Túi đựng nước tiểu dung tích 2.000mL bằng nhựa y tế trong, có vạch chia, van chống trào ngược, van xả đáy, móc/dây treo; dây dẫn dài ≥ 90cm; tiệt trùng.	cái	700	
Phần 21: Test nhanh					
116	Test nhanh chẩn đoán HCV	Test nhanh (khay hoặc que) phát hiện định tính kháng thể kháng virus viêm gan C (anti-HCV); mẫu thử huyết thanh, huyết tương (có thể dùng thêm máu toàn phần); độ nhạy ≥ 99%, độ đặc hiệu ≥ 98% theo tài liệu nhà sản xuất; đọc kết quả trong khoảng 15 – 30 phút.	test	700	93.796.600
117	Test nhanh HBsAg	Test nhanh (khay hoặc que) phát hiện định tính kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B (HBsAg); mẫu thử huyết thanh, huyết tương; độ nhạy ≥ 99%, độ đặc hiệu ≥ 98% theo tài liệu nhà sản xuất; đọc kết quả trong khoảng 15 – 30 phút.	test	700	

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Giá ước tính của phần (đồng)
118	Test nhanh HIV	Test nhanh HIV 1/2 – Bioline HIV 1/2 3.0 - Hãng sản xuất: Abbott Diagnostics Korea Inc. – Hàn Quốc - Xét nghiệm nhanh sắc ký miễn dịch, định tính phát hiện kháng thể (IgG, IgM, IgA) kháng HIV-1 (kể cả nhóm O) và HIV-2; phân biệt HIV-1/HIV-2 (3 vạch: C, 1, 2) - Mẫu thử: huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần. - Độ nhạy 100%; độ đặc hiệu 99,8% - Đọc kết quả trong 10–20 phút - Bảo quản 1–30°C - Có số lưu hành thiết bị y tế còn hiệu lực; hướng dẫn sử dụng tiếng Việt - Hạn sử dụng còn tối thiểu 12 tháng khi giao hàng	test	2.500	
Phần 22: Thở HFNC					
119	Bộ dây thở dùng cho máy thở HFNC	Bộ dây thở dùng cho máy thở oxy dòng cao (HFNC), dùng cho một người bệnh: dây thở có dây gia nhiệt, bình làm ẩm tự bù nước, cannula, các đầu nối. Tương thích hoàn toàn với máy HFNC Comen NF5 đang sử dụng tại bệnh viện (kết nối, cảm biến nhiệt, buồng làm ẩm).	bộ	20	26.675.000
120	Cannula thở mũi dòng cao dùng 1 lần size M	Ống thông mũi (cannula) dòng cao dùng một lần, size M, silicone hoặc nhựa y tế mềm, dây đeo điều chỉnh được; kết nối được với bộ dây thở của máy HFNC Comen NF5 đang sử dụng tại bệnh viện.	cái	10	
Phần 23: Thở máy					
121	Bộ dây máy thở có bẫy nước, dùng cho người lớn	Bộ dây máy thở 2 nhánh (hít vào, thở ra) người lớn, dùng một lần, ống gợn sóng bằng nhựa y tế; có 2 bẫy nước; kèm chạc Y và các đầu nối chuẩn 15/22mm; tương thích máy thở đang sử dụng tại bệnh viện.	bộ	500	81.548.500
122	Ống nối dây máy thở (catheter mount) xoay đa hướng, dùng một lần	Ống nối mềm (catheter mount) giữa chạc Y của dây máy thở và ống nội khí quản/mở khí quản; có khớp xoay đa hướng giảm lực kéo; có cổng hút đờm/nội soi có nắp kín; đầu nối chuẩn 15/22mm; dùng một lần.	cái	1.500	
123	Phin lọc khuẩn loại 3 chức năng, dùng cho thở máy	Phin lọc khuẩn, virus kết hợp làm ấm, ẩm (HMEF) dùng một lần cho người lớn thở máy; hiệu suất lọc vi khuẩn ≥ 99,9%; có cổng lấy mẫu khí; đầu nối chuẩn 15/22mm.	cái	1.500	
Phần 24: Vật tư hồi sức tích cực					
124	Ambu giúp thở (bóp bóng) người lớn	Bóng bóp giúp thở người lớn, gồm: bóng bóp (thể tích khoảng 1.500mL), van không thở lại, mặt nạ người lớn, túi dự trữ oxy và dây dẫn oxy.	cái	250	80.735.750
125	Bộ hút đàm kín 72 giờ	Bộ hút đàm kín dùng cho người bệnh thở máy, thời gian sử dụng đến 72 giờ; hút đàm không cần ngắt máy thở; ống hút có vỏ bọc bảo vệ, van điều khiển hút có khóa, cổng bơm rửa; cỡ Fr14, Fr16.	bộ	50	

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Giá ước tính của phần (đồng)
126	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng	Bộ catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng đặt theo kỹ thuật Seldinger; catheter polyurethane mềm, có cản quang, cỡ 7 Fr; bộ gồm kim dẫn, dây dẫn (guidewire), dụng cụ nong, bơm tiêm, cánh/kẹp cố định, nắp đậy các nòng; tiệt trùng.	cái	180	
Phần 25: Vật tư kiểm soát nhiễm khuẩn					
127	Băng keo chỉ thị nhiệt	Băng keo chỉ thị hóa học loại 1 (chỉ thị quá trình) dùng dán, đóng gói dụng cụ tiệt khuẩn bằng hơi nước; vạch chỉ thị đổi màu rõ sau chu trình tiệt khuẩn; khổ rộng khoảng 18 – 25mm, dài ≥ 50m/cuộn.	cuộn	20	12.760.000
128	Bình hủy kim 6,8 lít	Hộp/bình đựng vật sắc nhọn an toàn, dung tích khoảng 6,8 lít, nhựa cứng chống đâm thủng, màu vàng; có nắp đóng kín khi đầy, có khe tháo kim, có vạch giới hạn mức đầy.	cái	50	
129	Que chỉ thị tiệt trùng nhiệt độ cao	Que/thẻ chỉ thị hóa học loại 4, 5 hoặc 6 (theo ISO 11140-1) đặt trong gói dụng cụ, đồ vải tiệt khuẩn bằng hơi nước; đổi màu rõ khi đạt các thông số nhiệt độ, thời gian, hơi nước.	que	4.000	
Phần 26: Vật tư thủ thuật					
130	Chỉ khâu phẫu thuật không tan, có kim	Chỉ khâu phẫu thuật không tiêu, silk (tơ tằm) đa sợi bện, cỡ chỉ 2/0, dài ≥ 75cm; gắn 1 kim thép không gỉ, kim tam giác, dài khoảng 24 – 26mm, độ cong 3/8; tiệt trùng, đóng gói riêng từng tép.	tép	1.000	19.353.000
131	Kim gây tê tủy sống các cỡ	Kim gây tê tủy sống dùng một lần, mũi Quincke hoặc mũi bút chì (pencil point), có nòng thông, đốc kim trong suốt để quan sát dịch não tủy; các cỡ 22G – 27G; tiệt trùng.	cái	300	
132	Lưỡi dao mổ các số	Lưỡi dao mổ dùng một lần, thép carbon hoặc thép không gỉ, sắc bén; lắp vừa cán dao số 3, số 4; các số 10, 11, 15, 20, 21, 22; tiệt trùng, đóng gói riêng từng cái.	cái	1.500	
133	Săng mổ có lỗ 50 x 50cm	Săng phẫu thuật có lỗ, dùng một lần, vải không dệt kháng thấm dịch, kích thước 50 x 50cm, có lỗ ở trung tâm; tiệt trùng.	cái	500	
134	Săng mổ có lỗ 60 x 80cm	Săng phẫu thuật có lỗ, dùng một lần, vải không dệt kháng thấm dịch, kích thước 60 x 80cm, có lỗ ở trung tâm; tiệt trùng.	cái	1.000	
Phần 27: Vật tư tiêu hao nhựa					
135	Đầu col vàng 0.5 - 200µl	Đầu côn (típ) nhựa PP màu vàng dùng cho micropipet, thể tích 0,5 – 200µL; bề mặt trong trơn, ít bám dính; lắp khít với các micropipet đang sử dụng.	cái	2.000	7.626.000
136	Đầu col xanh 500 - 1000µl	Đầu côn (típ) nhựa PP màu xanh dương dùng cho micropipet, thể tích đến 1.000µL; bề mặt trong trơn, ít bám dính; lắp khít với các micropipet đang sử dụng.	cái	2.000	
137	Tăm bông vô trùng lấy mẫu	Que lấy mẫu (tăm bông) thân nhựa, 1 đầu bông, dài ≥ 15cm; tiệt trùng, đóng gói riêng từng cây.	cái	5.000	

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Giá ước tính của phần (đồng)
Phần 28: Vật tư truyền dịch					
138	Dây truyền dịch	Bộ dây truyền dịch dùng một lần gồm đầu cắm chai có van thông khí, bầu nhỏ giọt có màng lọc dịch (20 giọt ≈ 1mL), khóa điều chỉnh tốc độ (con lăn), cổng tiêm thuốc chữ Y, đầu nối Luer lock; dây dài ≥ 150cm; tiệt trùng.	cái	90.000	282.361.500
139	Kim luồn tĩnh mạch 16G	Kim luồn tĩnh mạch ngoại vi cỡ 16G (màu xám); catheter bằng FEP/PTFE hoặc polyurethane, có cản quang; kim thép không gỉ, mũi vát sắc; có cánh cố định và cổng bơm thuốc có nắp; tiệt trùng, đóng gói riêng từng cái.	cái	300	
140	Kim luồn tĩnh mạch 22G	Kim luồn tĩnh mạch ngoại vi cỡ 22G (màu xanh dương); catheter bằng FEP/PTFE hoặc polyurethane, có cản quang; kim thép không gỉ, mũi vát sắc; có cánh cố định và cổng bơm thuốc có nắp; tiệt trùng, đóng gói riêng từng cái.	cái	30.000	
141	Kim luồn tĩnh mạch 24G	Kim luồn tĩnh mạch ngoại vi cỡ 24G (màu vàng); catheter bằng FEP/PTFE hoặc polyurethane, có cản quang; kim thép không gỉ, mũi vát sắc; có cánh cố định và cổng bơm thuốc có nắp; tiệt trùng, đóng gói riêng từng cái.	cái	10.000	
Phần 29: Y dụng cụ					
142	Bình kềm inox	Bình (ống) cắm kềm, kẹp bằng inox không gỉ (304 hoặc tương đương), có nắp; kích thước khoảng ϕ5 x 16cm; chịu được dung dịch khử khuẩn và hấp tiệt trùng.	cái	50	54.282.000
143	Bộ đặt nội khí quản 4 lưỡi	Bộ đèn soi thanh quản dùng đặt nội khí quản, tái sử dụng: 1 cán đèn và 4 lưỡi đèn (lưỡi cong Macintosh và/hoặc lưỡi thẳng Miller) các cỡ từ trẻ em đến người lớn; có nguồn sáng (bóng đèn hoặc LED/sợi quang) đủ sáng; lưỡi bằng thép không gỉ, chịu được hấp tiệt trùng; có hộp đựng.	bộ	5	
144	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	Bộ dụng cụ tiểu phẫu bằng thép không gỉ y tế, tái sử dụng, chịu hấp tiệt trùng; gồm tối thiểu: kéo phẫu thuật, kẹp phẫu tích có mấu và không mấu, kìm kẹp kim, cán dao mổ; đựng trong hộp/khay.	bộ	5	
145	Hộp chữ nhật inox loại trung	Hộp đựng dụng cụ hình chữ nhật bằng inox không gỉ, loại trung (kích thước khoảng 21 x 11 x 5cm đến 23 x 12 x 5cm), có nắp; chịu được hấp tiệt trùng.	cái	20	
146	Hộp đựng dụng cụ inox loại lớn	Hộp đựng dụng cụ bằng inox không gỉ (304 hoặc tương đương), kích thước khoảng 40 x 30 x 10cm, có nắp; chịu được hấp tiệt trùng, không gỉ sét.	cái	5	
147	Hộp gòn inox 7,5cm	Hộp đựng bông gòn bằng inox không gỉ (304 hoặc tương đương), có nắp đậy kín, kích thước khoảng ϕ7,5 x 6cm; chịu được hấp tiệt trùng.	cái	20	
148	Hộp thuốc cấp cứu phản vệ	Hộp đựng thuốc cấp cứu phản vệ bằng nhựa (hoặc vật liệu tương đương), có nắp, quai xách, chia ngăn đủ chứa thuốc và vật tư theo danh mục hộp thuốc cấp cứu phản vệ theo quy định của Bộ Y tế; có nhãn nhận biết. (Chỉ vỏ hộp, không bao gồm thuốc, vật tư.)	cái	5	
149	Kéo thẳng nhọn 16cm	Kéo phẫu thuật thẳng, đầu nhọn, dài khoảng 16cm, thép không gỉ y tế, lưỡi sắc, khớp chắc; tái sử dụng, chịu được hấp tiệt trùng.	cái	50	

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Giá ước tính của phần (đồng)
150	Khay hạt đậu 800mL	Khay hạt đậu bằng inox không gỉ, dung tích khoảng 800mL; dùng đựng dụng cụ, chất thải trong chăm sóc, thủ thuật; chịu được hấp tiệt trùng.	cái	20	
151	Khay inox chữ nhật 30cmx40cm	Khay chữ nhật bằng inox không gỉ (304 hoặc tương đương), kích thước khoảng 30 x 40cm, thành khay có độ sâu vừa phải; dùng đựng dụng cụ y tế; chịu được hấp tiệt trùng, không biến dạng.	cái	20	
152	Kìm kẹp kim 16cm	Kìm kẹp kim, dài khoảng 16cm, thép không gỉ y tế, mặt kẹp có khía chống trượt kim, khóa cài chắc chắn; tái sử dụng, chịu được hấp tiệt trùng.	cái	30	
153	Nhiệt kế đo thân nhiệt	Nhiệt kế đo thân nhiệt (thủy ngân, chất lỏng không chứa thủy ngân hoặc điện tử); thang đo tối thiểu 35 – 42°C; vạch chia/độ phân giải 0,1°C; dễ đọc kết quả.	cái	50	
154	Nhíp có mấu 16cm	Nhíp phẫu thuật có mấu, dài khoảng 16cm, thép không gỉ y tế, đầu có mấu giữ mô chắc chắn; tái sử dụng, chịu được hấp tiệt trùng.	cái	50	
155	Kẹp cầm máu Pean cong không mấu 16cm	Kẹp cầm máu Pean cong, hàm không mấu có khía ngang, có khóa cài, dài khoảng 16cm, thép không gỉ y tế; tái sử dụng, chịu được hấp tiệt trùng.	cái	50	
156	Kẹp cầm máu Pean thẳng không mấu 16cm	Kẹp cầm máu Pean thẳng, hàm không mấu có khía ngang, có khóa cài, dài khoảng 16cm, thép không gỉ y tế; tái sử dụng, chịu được hấp tiệt trùng.	cái	50	
Phần 30: Băng keo trong và băng keo giấy y tế					
157	Băng keo trong y tế	Băng keo trong y tế TRANSPORE 2,5cm x 9,1m Thông số kỹ thuật: - Băng dính trong suốt dùng để cố định ống thông, thiết bị tiêm truyền. - Chất liệu: plastic trong suốt, không đàn hồi, được phủ keo Acrylate khoảng 10 - 20% (không có cao su tự nhiên). - Xé được 2 chiều, chống thấm nước, không gây kích ứng da, không sót keo khi tháo băng ra. - Kích thước xấp xỉ 2,5cm x 9,1m. - Lõi giấy. - Đạt tiêu chuẩn ISO, FDA.	cuộn	600	33.600.000
158	Băng keo giấy y tế	Băng keo giấy y tế Micropore 2,5cm x 9,1m Thông số kỹ thuật: - Băng keo giấy y tế - Chất liệu: Giấy tổng hợp, keo Acrylate (không chứa mủ cao su). Không sót keo khi tháo băng. - Nền keo Acrylate 25-35%. - Dính tốt trên da ẩm - Kích thước xấp xỉ 2,5cm x 9,1m	cuộn	1.200	
Tổng giá gói thầu					**1.967.681.725**

(Bằng chữ: Một tỷ chín trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi mốt nghìn bảy trăm hai mươi lăm đồng)